



xià yǔ
下雨

Verb · rain

Example Sentences

jīn tiān xià yǔ le

今天下雨了。

It rained today.

jīn tiān xià wǔ huì xià yǔ

今天下午会下雨。

It will rain this afternoon.

wài miàn xià yǔ le wǒ men bié chū qù le

外面下雨了，我们别出去了。

It's raining outside, let's not go out.

Trace each character, then write the word on your own.

下	下	下	下	下	下						
雨	雨	雨	雨	雨	雨	雨	雨	雨	雨	雨	雨